| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**<br>TỈNH QUẢNG NINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2021
*V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Nam.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Phạm Thị Dung;
2. Ông Thái Quang Định.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 23, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

*2. Bị đơn:* Chị Lưu Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 23, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Văn Đ trình bày có nội dung:*

*Về tình trạng hôn nhân:* Tôi (Vũ Văn Đ) và chị Lưu Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 08/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 23, khu P, phường Y, U, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính, bất đồng quan điểm sống dẫn đến đánh, chửi nhau, mâu thuẫn căng thẳng chị T bỏ về nhà bố

mẹ đẻ tại khu 3, phường B, thành phố U và ly thân nhau đến nay. Sau khi mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã được gia đình hòa giải tìm mọi biện pháp nhằm khắc phục mâu thuẫn, nhưng đều không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị Lưu Thị T.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tôi có một con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 15/5/2011, hiện ở với chị T nên tôi đề nghị để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng một tháng cho đến khi con chung thành niên.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lưu Thị T đều không có mặt tham gia tố tụng, mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án hợp lệ.

Cháu Vũ Gia B, sinh ngày 15/5/2011 có nguyện vọng ở với mẹ, nếu bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 31/12/2020 về việc nhận các văn bản tố tụng, ông Lưu Văn T là bố đẻ của chị T xác nhận đều đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã giao và thông báo toàn bộ các văn bản của Tòa án cho chị T, đồng thời cho biết mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Đ xảy ra đã lâu không khắc phục được.

Tại biên bản xác minh ngày 31/12/2020 khu trưởng khu P, phường Y xác nhận hiện chị T không sống cùng anh Đ và đã đưa con về bên ngoại sống.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng, có nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, còn bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn Đ, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Gia B, sinh ngày 15/5/2011 cho đến khi thành niên; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Vũ Văn Đ số tiền là 2.000.000 đồng một tháng cho đến khi con chung thành niên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:*

Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí thụ lý và giải quyết vụ án về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn số: 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2020,

giữa nguyên đơn anh Vũ Văn Đ với bị đơn chị Lưu Thị T có địa chỉ tại thành phố U là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lưu Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân*:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn Đ và chị Lưu Thị T trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 08/7/2011 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn vợ chồng anh Đ và chị T căng thẳng từ năm 2016 đến nay không ai còn quan tâm, dành tình cảm cho nhau. Gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh Đ và chị T là có thật và đã kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không có mặt để tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, mặc dù đều nhận được các Thông báo của Tòa án, chứng tỏ chị T cũng không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu tiếp tục duy trì, sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về nuôi dưỡng con chung:*

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có một con chung Vũ Gia B, sinh ngày 15/5/2011, hiện đang ở với chị T, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Để ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên cũng như điều kiện nuôi dưỡng của các bên nên giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Gia B cho đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ tại phiên tòa về cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Gia B là 2.000.000 đồng một tháng cho đến khi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. *Về án phí:*

Anh Vũ Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 107; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Về hôn nhân:*

Cho anh Vũ Văn Đ ly hôn chị Lưu Thị T.

*2. Về nuôi dưỡng con chung:*

2.1. Giao cho chị Lưu Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Gia B, sinh ngày 15/5/2011, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Vũ Văn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Gia B, sinh ngày 15/5/2011 là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) một tháng, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*3. Về án phí:* Anh Vũ Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003664 ngày 25/12/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*4. Về quyền kháng cáo:* Anh Vũ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lưu Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- UBND phường Y (Nơi đăng ký kết hôn);
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Nam**